

NGHIÊN CỨU NHẬN THỨC, NHU CẦU CẦN HỖ TRỢ CỦA NGƯỜI DÂN VÀ ĐỀ XUẤT MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TẠI XÃ BẢN NGUYÊN, TỈNH PHÚ THỌ

MAI KIÊN ĐỊNH^{1*}, NGUYỄN QUỲNH TRANG¹, DƯ VĂN TOÁN¹, LƯƠNG SỸ QUYẾT²,
KHUẤT THỊ ÁNH TUYẾT³

¹Viện Khoa học môi trường, biển và hải đảo
²Chi cục trồng trọt và bảo vệ thực vật tỉnh Phú Thọ
³Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp và điện năng Vĩnh Lại

Tóm tắt
Để thực hiện phát triển nông nghiệp hữu cơ (NNHC) gắn với bảo vệ môi trường thì việc nâng cao nhận thức và kỹ năng cho nông dân về nông nghiệp hữu cơ là yếu tố then chốt. Thông qua bảng hỏi kết hợp phỏng vấn chuyên sâu 30 hộ dân sản xuất nông nghiệp tại xã Bản Nguyên vào tháng 10 năm 2025 cho thấy, hầu hết người dân tại đây đều có nhận thức về khái niệm, đặc điểm sản xuất, vai trò của NNHC. Đa số có những nhận thức nhất định về chuỗi giá trị nông sản, quy trình sản xuất và chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước liên quan đến phát triển NNHC. Các khó khăn, vướng mắc khi sản xuất NNHC tại đây, được xác định khó khăn nhất là về quy trình kỹ thuật sản xuất (83%); tiếp đến là tiêu thụ sản phẩm (57%); sau đó là việc cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ (30%) và cuối cùng là khó khăn về nguồn vốn (27%). Về nhu cầu cần hỗ trợ tại đây: cao nhất là nhu cầu hỗ trợ về quy trình kỹ thuật sản xuất (83%); tiếp theo về tiêu thụ sản phẩm (60%); cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ (40%) và nhu cầu hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi phục vụ sản xuất NNHC (40%). Nhóm nghiên cứu đã đề xuất bổ sung 5 giải pháp hỗ trợ cho nông dân tại xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ nhằm thúc đẩy phát triển NNHC ngày càng tốt hơn.
Từ khóa: Nhận thức, nhu cầu hỗ trợ, nông nghiệp hữu cơ, xã Bản Nguyên.
Ngày nhận bài: 25/10/2025; **Ngày sửa chữa:** 11/11/2025; **Ngày duyệt đăng:** 20/11/2025.

Research on people's awareness and support needs and propose some solutions to promote the development of organic agricultural production in Ban Nguyen commune, Phu Tho province

Abstract
To develop organic agriculture (NNHC) in association with environmental protection, raising awareness and skills for farmers about organic agriculture is a key factor. Through a questionnaire combined with in-depth interviews with 30 agricultural households in Ban Nguyen commune in October 2025, it was shown that most people here are aware of the concept, production characteristics, and role of organic agriculture. The majority have certain awareness of the agricultural value chain, production processes and the Party's policies and State laws related to the development of organic agriculture. The most difficult difficulties and obstacles in organic agriculture production here are identified as: technical production processes (83%); followed by product consumption (57%); next is the issue of certification (30%) and finally the difficulty in capital (27%). Regarding the need for support here: the highest is the need for support in technical production processes (83%); followed by product consumption (60%); the issue of certification (40%) and the need for preferential capital support for organic farming production (40%). The research team proposed 5 additional support solutions for farmers in Ban Nguyen commune, Phu Tho province to promote the development of organic agriculture better and better.
Key words: Awareness, support needs, organic agriculture, Ban Nguyen commune.
JEL Classifications: Q55, Q57, Q59.

1. MỞ ĐẦU

Nông nghiệp hữu cơ (NNHC) là hệ thống sản xuất bảo vệ tài nguyên đất, hệ sinh thái và sức khỏe con người, dựa vào các chu trình sinh thái, đa dạng sinh học thích ứng với điều kiện tự nhiên, không sử dụng các yếu tố gây tác động tiêu cực đến môi trường sinh

thái; là sự kết hợp kỹ thuật truyền thống và tiến bộ khoa học để làm lợi cho môi trường chung, tạo mối quan hệ công bằng và cuộc sống cân bằng cho mọi đối tượng trong hệ sinh thái” [3]. Trong những năm gần đây, nông nghiệp hữu cơ nhận được sự quan tâm, ủng hộ của nhiều quốc gia trên thế giới nhờ vào lợi ích to



lớn đối với môi trường sinh thái và sức khỏe cộng đồng [14] [15] [16]. Trong đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam giai đoạn 2020-2030 đã đưa ra mục tiêu cụ thể là đến năm 2030, diện tích đất nông nghiệp hữu cơ đạt 2,5-3% tổng diện tích đất nông nghiệp, giá trị sản phẩm nông nghiệp hữu cơ đạt 1,5-2% tổng giá trị sản xuất nông nghiệp [7].

Tỉnh Phú Thọ được hợp nhất từ 3 tỉnh là tỉnh Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ và tỉnh Hoà Bình cũ [4]. Trước đó, các tỉnh cũ đều đã có định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ tại địa phương thông qua các Nghị quyết, Quyết định, Kế hoạch như Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ [6]; Quyết định số 2573/QĐ-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc [8]; Quyết định số 2987/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hoà Bình [9]; Kế hoạch số 290/KH-UBND của UBND tỉnh Vĩnh Phúc [2]... Xã Bản Nguyên bao gồm toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của các xã Cao Xá, Vĩnh Lại và Bản Nguyên cũ [5]. Xã Bản Nguyên mới có diện tích 28km², dân số khoảng 33.600 người [13]. Tính đến hết tháng 9/2025, toàn xã Bản Nguyên có diện tích gieo trồng lúa chất lượng cao là 214 ha; cây ngô có diện tích 24 ha; cây rau màu các loại có diện tích 73 ha; cây chuối có diện tích là 100,9 ha; cây bưởi có diện tích 21,5 ha và cây ổi 4,5 ha. Tổng đàn trâu, bò trên địa bàn là 657 con; đàn lợn là 685 con; gia cầm 86.728 con; diện tích nuôi trồng thủy sản 146,7 ha [1]. Tại Văn kiện Đại hội Đảng bộ xã Bản Nguyên nhiệm kỳ 2025-2030 ngày 30/7/2025 đã đề ra 16 chỉ tiêu, 6 nhiệm vụ trọng tâm, các giải pháp, đặc biệt là xác định khâu đột phá: “tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, an toàn sinh học” nhằm đưa xã Bản Nguyên phát triển bền vững, xây dựng nông thôn hiện đại, nông nghiệp văn minh [10]. Với truyền thống canh tác nông nghiệp lâu đời và thế mạnh về sản xuất nông nghiệp, theo đó, đến nay xã Bản Nguyên đã có một số sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP, tiêu chuẩn OCOP, thậm chí mô hình liên kết sản xuất tiêu thụ rau (các loại rau ăn lá) hữu cơ tại HTX Thực phẩm xanh đã được ngành nông nghiệp tỉnh (Vĩnh Phúc cũ) chủ động phối hợp đánh giá và đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn hữu cơ TCVN 11041-2:2017 [11][12]...

Để thực hiện phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường và phát triển nền nông nghiệp hữu cơ có giá trị tăng cao, bền

vững, thân thiện với môi trường sinh thái thì việc nâng cao nhận thức và kỹ năng cho nông dân về nông nghiệp hữu cơ là yếu tố then chốt. Bài báo sẽ tổng hợp, phân tích, đánh giá hiện trạng nhận thức của người dân về nông nghiệp hữu cơ nói chung, về các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước và của địa phương nhằm phát triển và hỗ trợ phát triển nền nông nghiệp hữu cơ; đồng thời xác định nhu cầu cần hỗ trợ của người dân để phát triển nền nông nghiệp hữu cơ và từ đó đề xuất một số giải pháp bổ sung phù hợp nhằm phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ.

2. SỐ LIỆU SỬ DỤNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Số liệu sử dụng

Số liệu sử dụng là kết quả khảo sát 30 hộ dân sản xuất nông nghiệp tại Khu 10, xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ vào tháng 10 năm 2025.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình thực hiện nghiên cứu này, nhóm tác giả sử dụng một số phương pháp nghiên cứu sau:

+ Phương pháp sử dụng bảng hỏi (phiếu điều tra) bằng cách sử dụng một bộ câu hỏi được chuẩn bị sẵn và phát trực tiếp đến tận tay người dân để người dân cung cấp thông tin vào phiếu.

+ Phương pháp phỏng vấn chuyên sâu: nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn, nêu các câu hỏi xác định, cụ thể, rõ ràng hơn về thông tin khảo sát.

+ Phương pháp tổng hợp, phân tích tài liệu thứ cấp: Nhóm nghiên cứu tiến hành tổng hợp, phân tích các thông tin, tài liệu được thu thập được từ nhiều nguồn khác nhau.

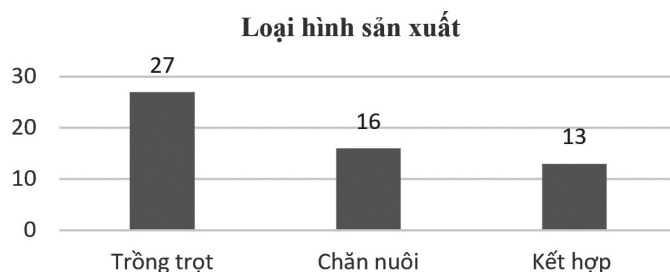
+ Phương pháp xử lý, phân tích số liệu: Xử lý số liệu bằng phần mềm Excel Microsoft Office.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thông tin về hiện trạng sản xuất nông nghiệp

Trong đợt khảo sát 30 hộ dân vào đầu tháng 10 năm 2025 tại khu vực nghiên cứu cho thấy, về loại hình sản xuất có 13/30 hộ sản xuất kết hợp vừa trồng trọt vừa chăn nuôi chiếm tỷ lệ 23%, có 27/30 hộ dân trồng trọt chiếm tỷ lệ 48% và 16/30 hộ chăn nuôi chiếm tỷ lệ 29%, như trong Hình 1.

Trong số các hộ chuyên trồng trọt có 1 hộ trồng 3 loại cây bao gồm rau củ, cây lương thực và cây ăn quả; 6 hộ trồng 2 loại cây trong đó có 4 hộ trồng rau củ và cây lương



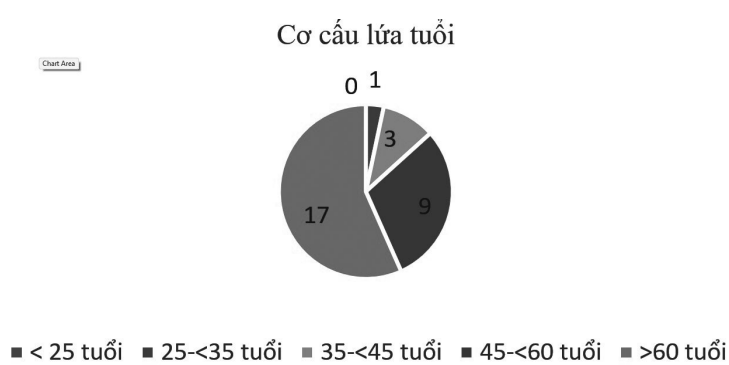
Hình 1. Loại hình sản xuất của 30 hộ dân trong đợt khảo sát tháng 10 năm 2025

thực; 01 hộ trồng cây lương thực và cây ăn quả và 01 hộ trồng rau củ và cây ăn quả; 2 hộ trồng cây ăn quả và 18 hộ trồng cây lương thực. Về quy mô trồng trọt, trong số 27 hộ trồng trọt có 24 hộ sản xuất quy mô nhỏ chiếm tỷ lệ 89% và 03 hộ sản xuất quy mô vừa chiếm tỷ lệ 11%.

Trong số các hộ chăn nuôi có 4 hộ nuôi 2 loại gia súc và gia cầm, 1 hộ nuôi thủy sản và 10 hộ nuôi gia cầm. Về quy mô chăn nuôi, trong số 16 hộ có 14 hộ nuôi quy mô hộ gia đình chiếm tỷ lệ 88% và 02 hộ chăn nuôi ở quy mô trang trại nhỏ. chiếm tỷ lệ 12%.

3.2. Nghiên cứu hiện trạng nhận thức của người dân về nông nghiệp hữu cơ

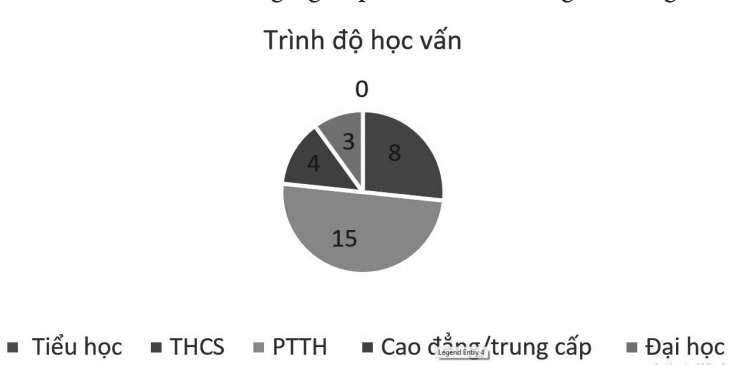
Về cơ cấu lứa tuổi tham gia khảo sát cho thấy, nhóm đối tượng dưới 25 tuổi là không có, từ 25-<35 tuổi có 01 người chiếm tỷ lệ 3%, từ 35-<45 tuổi có 03 người chiếm tỷ lệ 10%, từ 45-<60 tuổi có 09 người chiếm tỷ lệ 30% và trên 60 tuổi có 17 người, chiếm tỷ lệ 57%. Như vậy, đa phần là những người cao tuổi tham gia sản xuất nông nghiệp. Kết quả thể hiện trong Hình 2.



Hình 2. Cơ cấu lứa tuổi trong đợt khảo sát

Về giới tính, trong 30 người tham gia khảo sát có 13 nam chiếm tỷ lệ 43 % và 17 nữ chiếm tỷ lệ 57%. Về trình độ học vấn, trong 30 người tham gia khảo sát, cấp tiểu học không có ai, cấp Trung học cơ sở có 8 người chiếm tỷ lệ 27%, cấp phổ thông trung học có 15 người chiếm tỷ lệ 50%, cấp học Cao đẳng/Trung cấp có 4 người chiếm tỷ lệ 13% và cấp đại học có 3 người chiếm tỷ lệ 10%, kết quả như trong Hình 3.

Kết quả khảo sát vào tháng 10 năm 2025 cho thấy hầu hết người dân tại đây đều có nhận thức về nông nghiệp hữu cơ và đặc điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ là không sử dụng hóa



Hình 3. Trình độ học vấn trong đợt khảo sát

chất tổng hợp, không sử dụng giống biến đổi gen và không sử dụng hormone tăng trưởng. Về vai trò của nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ thì người dân đều hiểu được vai trò của sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong đời sống xã hội bao gồm phát triển kinh tế, bảo vệ sức khỏe cộng đồng, góp phần bảo vệ môi trường và các hệ sinh thái,...

Về chuỗi giá trị nông sản liên quan đến nông nghiệp hữu cơ thì có 24/30 hộ dân (chiếm 80%) đều hiểu rằng chuỗi giá trị bao gồm các công đoạn khác nhau từ khâu cung ứng vật tư đầu vào, sản xuất nông nghiệp hữu cơ, thu hoạch, chế biến, bảo quản, đến phân phối và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ, còn lại 6/30 hộ (chiếm 20%) chưa phân biệt được rõ ràng các công đoạn trong chuỗi giá trị.

Về quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ có 19/30 hộ dân (chiếm 63%) hiểu rằng quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ là một quy trình sản xuất đồng bộ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định theo các tiêu chuẩn nhất định như Tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế,... Đối với nhận thức về bộ tiêu chuẩn quốc gia về nông nghiệp hữu cơ thì có 18/30 hộ dân (chiếm 60%) có biết Bộ TCVN 11041 về nông nghiệp hữu cơ của Việt Nam, bao gồm nhiều phần khác nhau và cho từng đối tượng cụ thể ...

Đối với nội dung trồng trọt hữu cơ bao gồm các loại phân bón được sử dụng trong trồng trọt NNHC có 15/30 hộ dân (chiếm 50%) phân biệt được các loại phân bón được dùng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, có 8/30 hộ dân (chiếm 27%) còn lẫn lộn chưa phân biệt được rõ ràng các loại phân bón được phép dùng trong sản xuất NNHC hay không. Đối với nhóm thuốc trừ sâu được phép sử dụng trong sản xuất NNHC có 10/30 hộ dân (chiếm 33%) có hiểu biết về các loại thuốc trừ sâu được phép dùng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ, có 11/30 hộ dân (chiếm tỷ lệ 37%) chưa phân biệt rõ ràng về các loại thuốc trừ sâu được phép dùng trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Tương tự đối với nội dung chăn nuôi hữu cơ, về các loại thức ăn được sử dụng trong chăn nuôi hữu cơ có 11/30 hộ dân (37%) phân biệt được các loại thức ăn được phép sử dụng trong chăn nuôi hữu cơ, có 6/30 hộ dân (20%) phân biệt chưa rõ ràng trong số các loại thức ăn được phép sử dụng trong chăn nuôi hữu cơ. Đối với các loại thuốc phòng chống dịch,

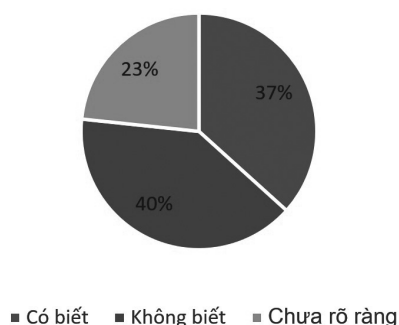


bệnh được sử dụng trong chăn nuôi hữu cơ có 10/30 hộ dân (chiếm 33%) phân biệt được các loại thuốc phòng chống dịch, bệnh dùng trong chăn nuôi hữu cơ, có 6/30 hộ dân chưa phân biệt rõ ràng các loại thuốc phòng chống dịch, bệnh được dùng trong chăn nuôi hữu cơ.

Về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước: Khi được hỏi về các chính sách, các văn bản pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp hữu cơ thì có 14/30 hộ dân (chiếm 47%) có biết về các chính sách, các văn bản pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ, có 7/30 hộ dân (chiếm 23%) chưa phân biệt rõ ràng các chính sách, các văn bản pháp luật liên quan đến phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Về các chính sách hỗ trợ để phát triển nông nghiệp hữu cơ thì có 11/30 hộ dân (chiếm 37%) có biết về các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ, có 7/30 hộ dân (chiếm 23%) chưa phân biệt rõ ràng và còn lại 12 hộ dân (chiếm 40%) là không biết về các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ như Hình 4.

Đối với các chính sách, các văn bản pháp luật của địa phương về phát triển nông nghiệp hữu cơ và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ có 10/30 hộ dân (chiếm 33%) có biết các chính sách, các văn bản pháp luật của địa phương liên quan đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ, có 6/30 hộ dân (chiếm 20%) phân biệt chưa rõ ràng và có 14/30 hộ dân (chiếm 47%) không biết về các chính sách, các văn bản pháp luật liên quan đến sản xuất nông nghiệp hữu cơ của địa phương. Đối với các chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ và hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hữu cơ của địa phương có

Nhận thức về chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển nông nghiệp hữu cơ vào tháng 10 năm 2025



Hình 4. Nhận thức về chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển và sản xuất NNHC trong đợt khảo sát vào tháng 10 năm 2025

7/30 hộ dân (chiếm 23%) biết là có các chủ trương, chính sách của địa phương về hỗ trợ phát triển và sản xuất nông nghiệp hữu cơ, có 7 hộ dân phân biệt chưa rõ ràng và có tới 16 hộ dân (chiếm 53%) không biết về các chủ trương, chính sách hỗ trợ phát triển và sản xuất nông nghiệp hữu cơ của địa phương.

3.3. Khó khăn, vướng mắc và nhu cầu cần hỗ trợ của người dân về sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Về đào tạo, tập huấn về nông nghiệp hữu cơ: Khi được hỏi về nội dung đã được đào tạo, tập huấn hoặc nâng cao kiến thức liên quan đến phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ hay chưa và bản thân đã được hỗ trợ gì trong việc sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương hay chưa thì có 5/30 hộ (chiếm tỷ lệ 17%) cho biết đã được tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất.

Về nhận diện các khó khăn, vướng mắc khi sản xuất nông nghiệp hữu cơ: Khi được hỏi về các khó khăn, vướng mắc trong sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho thấy:

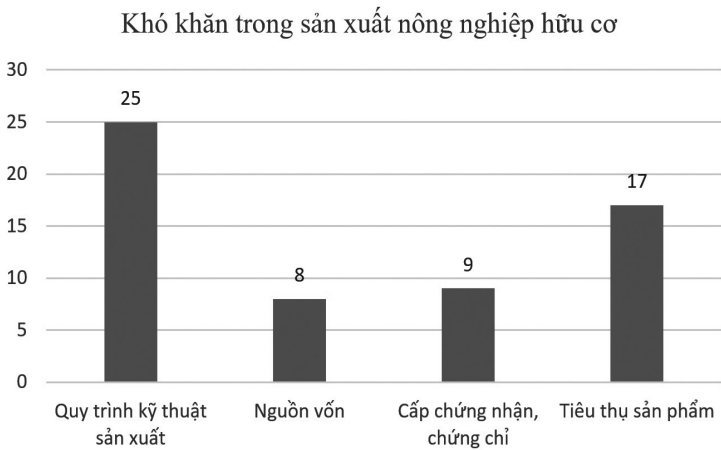
(1) 25/30 hộ (chiếm tỷ lệ 83%) cho rằng, khó khăn về quy trình kỹ thuật sản xuất bao gồm: (1) Chuyển đổi vùng sản xuất; (2) Lập kế hoạch sản xuất chi tiết; (3) Chuẩn bị vật tư đầu vào; (4) Thực hiện canh tác/chăn nuôi; (5) Thu hoạch; (6) Sơ chế, chế biến, bảo quản và vận chuyển; (7) Chứng nhận hữu cơ.

(2) 8/30 hộ (chiếm tỷ lệ 27%) cho rằng, khó khăn về nguồn vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ, khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay ngân hàng; khó khăn trong việc huy động vốn đầu tư; chuyển đổi đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu khá lớn cho việc cải tạo đất, mua sắm vật tư, thiết bị, đầu tư hệ thống thủy lợi, cơ sở hạ tầng, các loại giống cây trồng và đào tạo kỹ thuật; chi phí để kiểm định chất lượng đất và nguồn nước; chi phí để chứng nhận sản phẩm hữu cơ cao.

(3) 9/30 hộ (chiếm tỷ lệ 30%) cho rằng, khó khăn về việc cấp/đối giấy chứng nhận, chứng chỉ sản xuất nông nghiệp hữu cơ như yêu cầu tiêu chuẩn nghiêm ngặt và phức tạp, chi phí đầu tư duy trì cao; công tác quản lý hồ sơ và truy xuất nguồn gốc vất vả; khó kiểm soát yếu tố môi trường đất, nước, không khí; thời hạn chứng chỉ ngắn; việc cấp đối/gia hạn là một quy trình tái chứng nhận nên mất thời gian và chi phí.

(4) 17/30 hộ (chiếm tỷ lệ 57%) cho rằng, vấn đề khó khăn nằm ở giai đoạn tiêu thụ sản phẩm, vấn đề về thị trường đầu ra bấp bênh, người tiêu dùng chưa nhận thức tốt về sản phẩm hữu cơ và chưa sẵn sàng chi trả giá cao, trong khi sản phẩm hữu cơ thường có mẫu mã xấu và năng suất thấp. Kết quả cụ thể như Hình 5.

Về nhu cầu cần hỗ trợ: khi được hỏi về nhu cầu cần hỗ trợ để phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ thì có tới 25/30 hộ (chiếm tỷ lệ 83%) có nhu cầu hỗ trợ về quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ; có 18/30 hộ (chiếm tỷ lệ 60%) có nhu cầu hỗ trợ về tiêu thụ sản phẩm; có 12/30



Hình 5. Các khó khăn khi sản xuất NNHC trong đợt khảo sát vào tháng 10 năm 2025

hộ (chiếm tỷ lệ 40%) có nhu cầu hỗ trợ về việc cấp/đổi giấy chứng nhận, chứng chỉ sản xuất nông nghiệp hữu cơ và có 12/30 hộ (chiếm tỷ lệ 40%) có nhu cầu hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Về các đề nghị/khuyến nghị cụ thể, cấp thiết để phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương trong thời điểm hiện tại: có 14/30 hộ (chiếm tỷ lệ 47%) có khuyến nghị là tổ chức tập huấn/chuyển giao khoa học kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho người dân; có 9/30 hộ (chiếm tỷ lệ 30%) có khuyến nghị là hỗ trợ/cung cấp cho người dân vật tư nông nghiệp hữu cơ trong những năm đầu sản xuất nông nghiệp hữu cơ; có 5/30 hộ (chiếm tỷ lệ 17%) có khuyến nghị là hỗ trợ/cung cấp cho người dân thuốc sát trùng, tiêu độc, phòng chống dịch bệnh trong những năm đầu sản xuất nông nghiệp hữu cơ; có 01 hộ dân có đề nghị được hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi và 01 hộ dân đề nghị được bao tiêu thụ sản phẩm.



Để thực hiện phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với mục tiêu bảo vệ môi trường thì việc nâng cao nhận thức và kỹ năng cho nông dân về nông nghiệp hữu cơ là yếu tố then chốt

3.4. Đề xuất giải pháp

Để thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngày càng tốt hơn, nhóm tác giả đã đề xuất một số giải pháp bổ sung hỗ trợ cho nông dân xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ bao gồm:

Thứ nhất, về quy hoạch: UBND tỉnh/xã cần định hướng quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ tập trung với quy mô đủ lớn cho từng loại sản phẩm chủ lực cho địa phương ngay trong giai đoạn 2025-2030.

Thứ hai, về nguồn vốn: UBND tỉnh/xã cần xây dựng cơ chế hỗ trợ ưu đãi về vốn đầu tư hoặc hỗ trợ cung ứng vật tư nông nghiệp hữu cơ như giống cây trồng, vật nuôi hữu cơ, phân bón hữu cơ, chế phẩm sinh học, vật tư cải tạo đất, tiêu độc, phòng chống dịch bệnh cho người dân trong thời gian đầu sản xuất. Cần xây dựng cơ chế hỗ trợ cấp đổi lại đối với chứng chỉ/chứng nhận đã hết thời hạn.

Thứ ba, về khoa học kỹ thuật: tăng cường tập huấn và chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ sản xuất nông nghiệp hữu cơ nhằm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Đồng thời nâng cao năng lực cho đội ngũ quản lý/giám sát sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại địa phương. Đề xuất Sở NN&MT Phú Thọ nghiên cứu ban hành các tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chi tiết sản xuất NNHC (tạm thời) đối với từng loại đối tượng nông sản cụ thể trong khi chưa có Thông tư hướng dẫn kỹ thuật.



Thứ tư, về tiêu thụ sản phẩm: tăng cường định hướng sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản bao gồm liên kết giữa nông dân, doanh nghiệp chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp hữu cơ cả nội địa và hướng tới xuất khẩu.

Thứ năm, về truyền thông và chuyển đổi số: đẩy mạnh tuyên truyền, tổ chức hội thảo, lồng ghép các chương trình truyền thông, ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao ý thức người dân, cần thay đổi tư duy từ sản xuất truyền thống sang sản xuất an toàn, trách nhiệm với môi trường, xã hội và đáp ứng nhu cầu tiêu dùng sản phẩm an toàn, có nguồn gốc tự nhiên.

4. KẾT LUẬN

Kết quả khảo sát vào tháng 10 năm 2025 tại xã Bản Nguyên cho thấy, hầu hết người dân tại đây đều có nhận thức về nông nghiệp hữu cơ và đặc điểm sản xuất nông nghiệp hữu cơ cũng như vai trò của nông nghiệp hữu cơ. Có nhận thức nhất định về chuỗi giá trị nông sản liên quan đến nông nghiệp hữu cơ (80%), về quy trình sản xuất nông nghiệp hữu cơ (63%) và về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật Nhà nước liên quan đến phát triển nông nghiệp hữu cơ thì có tới 47%.

Về nhận diện các khó khăn, vướng mắc khi sản xuất nông nghiệp hữu cơ: có tới 83% hộ dân tại đây cho rằng khó khăn về quy trình kỹ thuật sản xuất; tiếp đến có 57% cho rằng vấn đề khó khăn nằm ở giai đoạn tiêu thụ sản phẩm; 30% cho rằng khó khăn về việc cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ sản xuất nông nghiệp hữu cơ và có 27% cho rằng là khó khăn về nguồn vốn phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ.

Về nhu cầu cần hỗ trợ để phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ: cao nhất là nhu cầu hỗ trợ về quy trình kỹ thuật sản xuất nông nghiệp hữu cơ (83%) có; nhu cầu hỗ trợ về tiêu thụ sản phẩm (60%); nhu cầu hỗ trợ về việc cấp giấy chứng nhận, chứng chỉ sản xuất nông nghiệp hữu cơ (40%) và nhu cầu hỗ trợ nguồn vốn ưu đãi phục vụ sản xuất nông nghiệp hữu cơ (40%).

Để thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ và sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngày càng tốt hơn tại xã Bản Nguyên, tỉnh Phú Thọ, nhóm tác giả đã nghiên cứu, đề xuất 5 giải pháp hỗ trợ cho nông dân tại đây bao gồm các giải pháp về quy hoạch, về nguồn vốn, về khoa học kỹ thuật, về tiêu thụ sản phẩm, về truyền thông và chuyển đổi số.

Lời cảm ơn: Nhóm tác giả trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Đề tài khoa học và công nghệ “Nghiên cứu, đánh giá nhận thức và nhu cầu hỗ trợ và đề xuất giải pháp để phát triển nông nghiệp hữu cơ gắn với bảo vệ môi trường”, Mã số: TNMT.885.10.

Lời cam đoan: Tập thể tác giả cam đoan bài báo này là công trình nghiên cứu của tập thể tác giả, chưa được công bố ở đâu, không được sao chép từ những nghiên cứu trước đây; không có sự tranh chấp lợi ích trong nhóm tác giả.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội quý III; Nhiệm vụ trọng tâm quý IV năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bản Nguyên ngày 30/9/2025.
2. Kế hoạch số 290/KH-UBND ngày 23/11/2023 của UBND về việc triển khai thực hiện đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ và theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh Vĩnh phúc năm 2024.
3. Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về nông nghiệp hữu cơ năm 2018.
4. Nghị quyết số 60-NQ/TW ngày 12/4/2025 của Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII.
5. Nghị quyết số 1676/NQ-UBTVQH15 được Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ngày 16/6/2025.
6. Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ về quy định chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.
7. Quyết định 885/QĐ-TTg ngày 23/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2020-2030.
8. Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 21/10/2019 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất nông nghiệp hữu cơ và theo hướng hữu cơ trên địa bàn tỉnh vĩnh phúc giai đoạn 2020 – 2022.
9. Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc Phê duyệt Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ tỉnh Hòa Bình đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.
10. <https://baophutho.vn/dai-hoi-dai-bieu-dang-bo-xa-ban-nguyen-lan-thu-i-nhiem-ky-2025-2030-237108.htm>.
11. <https://baophutho.vn/nong-nghiep-huu-co-xu-the-tat-yeu-cua-nong-nghiep-hien-dai-242032.htm>.
12. <https://congthuong.vn/100-xa-tai-huyen-lam-thaophu-tho-co-san-pham-ocop-389177>.
13. <https://sokhoahoccongnghe.phutho.gov.vn/bo-truong-bo-cong-an-luong-tam-quang-tham-va-lam-viec-voi-xa-ban-nguyen-n7798>.
14. V. T. Dinh, T. M. N. Bui, N. K. La, and Q. B. Tran, “Actual status of agricultural production on forest land in The Central Highlands of Vietnam,” *Journal of Agriculture and Rural Development*, no. 13, pp. 1-10, 2019.
15. National Research Council/Committee on twenty-first century systems agriculture, *Toward sustainable agricultural systems in the 21st century*, National Academies Press, Washington, DC, 2010.
16. H. Hoang, T. H. A. Nguyen, H. L. Nguyen, and H. M. Nguyen, *Assessment of the current status and potential of environmental resources for the development of organic agriculture in the Central Highlands region, Vietnam*, *Vietnam Journal of Science and Technology - Ministry of Science and Technology*, no. 66, pp. 25-34, 2024.